

## ĐỀ ÁN

### Tuyển sinh trình độ đại học năm 2023

(thực hiện theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022;  
và Hướng dẫn số 1919/BGDĐT-GDDH ngày 28/4/2023  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

## I. THÔNG TIN CHUNG (tính đến thời điểm xây dựng Kế hoạch tuyển sinh)

### 1. Tên cơ sở đào tạo:

- Tên trường: Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh;  
- Sứ mệnh: Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường) là trường đại học công lập hàng đầu về đào tạo cán bộ pháp luật trong cả nước, cung cấp nguồn lực có chất lượng cao trình độ đại học, trình độ thạc sỹ và trình độ tiến sỹ; là trung tâm nghiên cứu khoa học, trọng tâm là khoa học pháp lý, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế;

- Mục tiêu: Trường là trung tâm truyền bá khoa học pháp lý hàng đầu của cả nước; tham gia tích cực vào hoạt động xây dựng pháp luật và phản biện chính sách; nâng cao chất lượng giáo dục đại học theo hướng hiện đại, từng bước tiếp cận nền giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới; giữ vai trò đầu tàu, có vai trò dẫn dắt các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam trong công tác đào tạo, nghiên cứu về lĩnh vực pháp luật. Đến năm 2030, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành trường đại học đa lĩnh vực theo định hướng nghiên cứu, là trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật.

### 2. Mã trường: LPS.

### 3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

- Trụ sở chính (cơ sở 1): số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4;
- Cơ sở 2: số 123 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức;
- Cơ sở 3: Phường Long Phước, TP. Thủ Đức (Quận 9 cũ).

### 4. Địa chỉ Trang thông tin điện tử của Trường: <https://www.hcmulaw.edu.vn>.

### 5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của Trường:

- Facebook Trường: <https://www.facebook.com/hcmulaw>;
- Website tuyển sinh: <https://www.tuyensinh.hcmulaw.edu.vn>;
- Fanpage tuyển sinh: <https://www.facebook.com/tuyensinhhdhluattphcm/>;
- Zalo: <https://zalo.me/dhluattphcm>; số zalo: 0879.5555.14;
- Email: [tuvantuyensinh@hcmulaw.edu.vn](mailto:tuvantuyensinh@hcmulaw.edu.vn) và [tuyensinh@hcmulaw.edu.vn](mailto:tuyensinh@hcmulaw.edu.vn);
- Group facebook “K48 Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh - Tuyển sinh năm 2023”:  
<https://www.facebook.com/groups/k47daihocluattuyensinhnam2022>;
- Youtube: <https://www.youtube.com/channel/UCRbvVsvf42YoNoh1rBfYWmA>;
- TikTok: <https://www.tiktok.com/@ulawtv>;
- App: ULAW HCMC.

### 6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

- Hotline: 1900.5555.14;

- Hoặc 028.3940.0989 nhánh 220, 221 (Trung tâm Tư vấn tuyển sinh); nhánh 112 (Phòng Đào tạo).

**7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:**

- Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://hcmulaw.edu.vn/vi/viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep>;

- Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm
<b>I. Lĩnh vực Nhân văn (mã lĩnh vực: 722)</b>					
1. Ngôn ngữ Anh K42	Đại học	50	45	25	90,91%
<b>II. Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (mã lĩnh vực: 734)</b>					
1. Quản trị kinh doanh K42	Đại học	100	113	68	95,12%
2. Quản trị - Luật K41	Đại học	100	132	123	93,33%
<b>III. Lĩnh vực Pháp luật (mã lĩnh vực: 738)</b>					
1. Luật K42	Đại học	1.150	1.222	1.006	90,83%
2. Luật Thương mại quốc tế K42	Đại học	100	99	82	100%

**8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:**

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/muc-i8-tuyen-sinh-chinh-quy-nam-2020-va-2021-222.html>.

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

a) Thông tin chung:

Stt	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh		
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển với xét tuyển
1.	Năm 2021		x	
2.	Năm 2022		x	

b) Thông tin chi tiết:

o Năm 2021: xét tuyển thí sinh dựa vào:

(i) Kết quả đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm 2020 và năm 2021, đã tốt nghiệp THPT năm 2021;

(ii) Kết quả chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: tiếng Anh hoặc tiếng Pháp hoặc tiếng Nhật;

(iii) Kết quả thi SAT của Mỹ (Scholastic Assessment Test);

(iv) Kết quả học tập 3 năm THPT tại các trường THPT chuyên, năng khiếu; và các trường THPT thuộc nhóm trường có điểm trung bình thi THPT quốc gia cao nhất theo Danh sách “Các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển thẳng năm 2021 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh”;

(v) Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021.

○ Năm 2022: xét tuyển thí sinh dựa vào:

(i) Kết quả đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm 2021 và năm 2022, đã tốt nghiệp THPT năm 2022;

(ii) Kết quả chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: tiếng Anh hoặc tiếng Pháp hoặc tiếng Nhật;

(iii) Kết quả thi SAT của Mỹ (Scholastic Assessment Test);

(iv) Kết quả học tập 3 năm THPT tại các trường THPT chuyên, năng khiếu; và các trường THPT thuộc nhóm trường có điểm trung bình thi THPT quốc gia cao nhất theo Danh sách “*Các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển thẳng năm 2022 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*”;

(v) Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

## 8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất:

Stt	Lĩnh vực/ Ngành/ Nhóm ngành/Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực Nhân văn</b>							
	<b>1. Ngành Ngôn ngữ Anh</b>		100 chỉ tiêu, trong đó:			100 chỉ tiêu, trong đó:		
	- Tổ hợp D01	Xét tuyển	70	66	25,0	70	52	22,5
	- Tổ hợp D14		10	14	26,0	10	26	24,5
	- Tổ hợp D66		10	10	27,5	10	14	24,5
	- Tổ hợp D84		10	5	27,5	10	11	22,5
<b>II.</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý</b>							
	<b>1. Ngành QTKD</b>		150 chỉ tiêu, trong đó:			150 chỉ tiêu, trong đó:		
	- Tổ hợp A00	Xét tuyển	30	26	25,25	30	49	23,0
	- Tổ hợp A01		30	23	25,25	30	14	22,5
	- Tổ hợp D <sub>01,03,06</sub>		60	76	D <sub>01</sub> : 25,0; D <sub>03,06</sub> : 24,5.	60	67	23,0
	- Tổ hợp D <sub>84,87,88</sub>		30	28	D <sub>84</sub> : 26,75; D <sub>87,88</sub> : 24,75.	30	24	22,5
	<b>2. Ngành Quản trị-Luật</b>		300 chỉ tiêu, trong đó:			300 chỉ tiêu, trong đó:		
	- Tổ hợp A00	Xét tuyển	60	40	25,5	60	73	25,0
	- Tổ hợp A01		60	75	25,5	60	54	23,5
	- Tổ hợp D <sub>01,03,06</sub>		120	145	D <sub>01</sub> : 25,25; D <sub>03,06</sub> : 24,5.	120	107	24,25
	- Tổ hợp D <sub>84,87,88</sub>		60	61	D <sub>84</sub> : 27,75; D <sub>87,88</sub> : 25,0.	60	75	23,0
<b>III.</b>	<b>Lĩnh vực Pháp luật</b>							
	<b>1. Ngành Luật</b>		1.430 chỉ tiêu, trong đó:			1.430 chỉ tiêu, trong đó:		
	- Tổ hợp A00	Xét tuyển	286	220	24,5	286	267	24,25
	- Tổ hợp A01		357	275	24,5	357	260	22,5
	- Tổ hợp C00		215	285	27,5	215	388	27,5
	- Tổ hợp D <sub>01,03,06</sub>		572	641	D <sub>01</sub> : 24,75; D <sub>03,06</sub> : 24,5.	572	558	23,25
	<b>2. Ngành Luật TMQT</b>		120 chỉ tiêu, trong đó:			120 chỉ tiêu, trong đó:		
	- Tổ hợp A01	Xét tuyển	24	30	26,5	24	26	26,5
	- Tổ hợp D <sub>01,03,06</sub>		48	45	26,5	48	39	26,0
	- Tổ hợp D <sub>66,69,70</sub>		24	24	D <sub>66</sub> : 28,5;	24	30	26,0

Stt	Lĩnh vực/ Ngành/ Nhóm ngành/Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
					D <sub>69,70</sub> : 26,5.			
	- Tổ hợp D <sub>84,87,88</sub>		24	20	D <sub>84</sub> : 28,5; D <sub>87,88</sub> : 26,5.	24	28	D <sub>84,87</sub> : 26,0; D <sub>88</sub> : 25,75
<b>Tổng:</b>			<b>2.100</b>	<b>2.141</b>		<b>2.100</b>	<b>2.162</b>	

### 9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/muc-i9-danh-muc-nganh-duoc-phep-dao-tao-223.html>.

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyên đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyên đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Ngôn ngữ Anh	7220201	2497/QĐ-BGDĐT	09/7/2013	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2013	2022
2	Quản trị kinh doanh	7340101	97/QĐ-BGDĐT	06/01/2011	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2011	2022
3	Quản trị - Luật	7340102	941/QĐ-BGDĐT và 2358/QĐ-BGDĐT	16/02/2009 và 09/6/2011	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2009	2022
4	Luật	7380101	1234/GD-ĐT	30/3/1996	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	1988	2022
5	Luật thương mại quốc tế	7380109	2234/QĐ-BGDĐT	04/7/2016	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2016	2022
6	Luật hiến pháp và luật hành chính	8380102	311/QĐ-BGD&ĐT-SĐH	17/01/2002	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2002	2022
7	Luật dân sự và tố tụng dân sự	8380103	1551/QĐ-BGDĐT	22/4/2010	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2010	2022
8	Luật hình sự	8380104	1675/GD-ĐT	22/5/1997	1670 <sup>A</sup> /QĐ-	24/11/2017	Trường tự chủ ban	1997	2022

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
	và tổ tụng hình sự				ĐHL		hành		
9	Luật kinh tế	8380107	1675/GD-ĐT	22/5/1997	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	1997	2022
10	Luật quốc tế	8380108	3045/QĐ-BGDĐT	26/7/2011	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2011	2022
11	Luật hiến pháp và luật hành chính	9380102	242/QĐ-BGDĐT	12/01/2011	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2011	2022
12	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	9380103	2780/QĐ-BGDĐT	12/8/2016	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2017	2022
13	Luật hình sự và tổ tụng hình sự	9380104	2370/QĐ-BGD&ĐT	15/5/2006	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2006	2022
14	Luật kinh tế	9380107	803/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SDH	23/02/2004	1670 <sup>A</sup> /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2004	2022

**10. Điều kiện đảm bảo chất lượng (thực hiện theo mẫu số 03):**

10.1. Tình hình tuyển mới đến ngày 31/12/2022 và quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022 (Người học):

a) Tình hình tuyển mới đến ngày 31/12/2022 (Người học):

Stt	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành/ lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỷ lệ %
<b>A.</b>	<b>Sau đại học</b>		<b>243</b>	<b>234</b>	<b>92,29</b>
<b>1.</b>	<b>Tiến sỹ chính quy</b>		<b>20</b>	<b>10</b>	<b>50,0</b>
1.1.	Lĩnh vực Pháp luật		20	10	50,0
1.1.1.	Luật hiến pháp và luật hành chính	9380102	5	4	80,0
1.1.2.	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	9380103	5	2	40,0
1.1.3.	Luật hình sự và tổ tụng hình sự	9380104	5	4	80,0
1.1.4.	Luật kinh tế	9380107	5	0	0,0
<b>2.</b>	<b>Thạc sỹ chính quy</b>		<b>223</b>	<b>224</b>	<b>100,44</b>
2.1.	Lĩnh vực Pháp luật		223	224	100,44

Stt	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành/ lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỷ lệ %
2.1.1.	Luật hiến pháp và luật hành chính	8380102	38	24	63,15
2.1.2.	Luật dân sự và tố tụng dân sự	8380103	62	66	106,45
2.1.3.	Luật hình sự và tố tụng hình sự	8380104	40	62	155,0
2.1.4.	Luật kinh tế	8380107	61	61	100,0
2.1.5.	Luật quốc tế	8380108	22	11	50,0
<b>B.</b>	<b>Đại học</b>		<b>2.955</b>	<b>2.465</b>	<b>83,41</b>
<b>3.</b>	<b>Đại học chính quy</b>		<b>2.400</b>	<b>2.393</b>	<b>99,7</b>
3.1.	Chính quy		2.100	2.162	102,95
3.1.1.	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Không	Không	Không	Không
3.1.2.	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		2.100	2.162	102,95
3.1.2.1.	Lĩnh vực Nhân văn		100	103	103,0
	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	100	103	103,0
3.1.2.2.	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý		450	463	102,88
	a) Ngành Quản trị kinh doanh	7340101	150	154	102,66
	b) Ngành Quản trị-Luật	7340102	300	309	103,0
3.1.2.3.	Lĩnh vực Pháp luật		1.550	1.596	102,96
	a) Ngành Luật	7380101	1.430	1.473	103,0
	b) Ngành Luật Thương mại quốc tế	7380109	120	123	102,5
3.2.	Đối tượng từ trung cấp lên đại học	Không	Không	Không	Không
3.3.	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học	Không	Không	Không	Không
3.4.	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		300	231	77,0
3.4.1.	Lĩnh vực Pháp luật		300	231	77,0
	Ngành Luật	7380101	300	231	77,0
<b>4.</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>		<b>555</b>	<b>72</b>	<b>21,62</b>
4.1.	Vừa làm vừa học		333	72	21,62
4.1.1.	Lĩnh vực Pháp luật		333	72	21,62
	Ngành Luật	7380101	333	72	21,62
4.2.	Đối tượng từ trung cấp lên đại học	Không	Không	Không	Không
4.3.	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học	Không	Không	Không	Không
4.4.	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		222	0	0,0
4.4.1.	Lĩnh vực Pháp luật		222	0	0,0
	Ngành Luật	7380101	222	0	0,0
<b>5.</b>	<b>Từ xa</b>	Không	Không	Không	Không
<b>C.</b>	<b>Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non</b>	-	-	-	-
<b>6.</b>	<b>Cao đẳng chính quy</b>	Không	Không	Không	Không
<b>7.</b>	<b>Cao đẳng vừa làm vừa học</b>	Không	Không	Không	Không

b) Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022 (Người học):

Stt	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành/ lĩnh vực	Quy mô đào tạo
<b>A.</b>	<b>Sau đại học</b>		<b>619</b>
<b>1.</b>	<b>Tiến sỹ chính quy</b>		<b>67</b>
1.1.	Lĩnh vực Pháp luật		67
1.1.1.	Luật hiến pháp và luật hành chính	9380102	17
1.1.2.	Luật dân sự và tố tụng dân sự	9380103	11
1.1.3.	Luật hình sự và tố tụng hình sự	9380104	17

Stt	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành/ lĩnh vực	Quy mô đào tạo
1.1.4.	Luật kinh tế	9380107	22
<b>2.</b>	<b>Thạc sỹ chính quy</b>		<b>552</b>
2.1.	Lĩnh vực Pháp luật		552
2.1.1.	Luật hiến pháp và luật hành chính	8380102	55
2.1.2.	Luật dân sự và tố tụng dân sự	8380103	195
2.1.3.	Luật hình sự và tố tụng hình sự	8380104	95
2.1.4.	Luật kinh tế	8380107	179
2.1.5.	Luật quốc tế	8380108	28
<b>B.</b>	<b>Đại học</b>		<b>10.446</b>
<b>3.</b>	<b>Đại học chính quy</b>		<b>9.151</b>
3.1.	Chính quy		8.656
3.1.1.	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Không	Không
3.1.2.	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		8.656
3.1.2.1.	Lĩnh vực Nhân văn		338
	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	338
3.1.2.2.	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý		2.133
	a) Ngành Quản trị kinh doanh	7340101	636
	b) Ngành Quản trị-Luật	7340102	1.497
3.1.2.3.	Lĩnh vực Pháp luật		6.185
	a) Ngành Luật	7380101	5.673
	b) Ngành Luật Thương mại quốc tế	7380109	512
3.2.	Đối tượng từ trung cấp lên đại học	Không	Không
3.3.	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học	Không	Không
3.4.	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		495
3.4.1.	Lĩnh vực Pháp luật		495
	Ngành Luật	7380101	495
<b>4.</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>		<b>1.295</b>
4.1.	Vừa làm vừa học		1.079
4.1.1.	Lĩnh vực Pháp luật		1.079
	Ngành Luật	7380101	1.079
4.2.	Đối tượng từ trung cấp lên đại học	Không	Không
4.3.	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học	Không	Không
4.4.	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		216
4.4.1.	Lĩnh vực Pháp luật		216
	Ngành Luật	7380101	216
<b>5.</b>	<b>Từ xa</b>	Không	Không
<b>C.</b>	<b>Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non</b>		
<b>6.</b>	<b>Cao đẳng chính quy</b>	Không	Không
<b>7.</b>	<b>Cao đẳng vừa làm vừa học</b>	Không	Không

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

a) Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

(i) Tổng diện tích đất của trường (ha): **7.196 m<sup>2</sup>**, trong đó:

- Cơ sở Nguyễn Tất Thành, Quận 4: 3.569m<sup>2</sup>;

- Cơ sở Bình Triệu, TP. Thủ Đức: 3.627m<sup>2</sup>;

- Cơ sở Phường Long Phước, TP. Thủ Đức (Quận 9 cũ): 12,8ha.

(ii) Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): **không**.

(iii) Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Trường tính trên một sinh viên chính quy:

- Quy mô chính quy (tính đến ngày 31/12/2022): **9.151** sinh viên;

- Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Trường: **33.156<sup>m<sup>2</sup></sup>**, trong đó:

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của Trường	175	17.157
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	09	3.258
1.2.	Phòng học từ 100-200 chỗ	52	7.164
1.3.	Phòng học từ 50-100 chỗ	46	3.175
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	11	720
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	01	60
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của Trường	56	2.780
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	02	5.454
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	10	10.545
<b>Tổng:</b>		<b>187</b>	<b>33.156</b>

- Diện tích sàn xây dựng/ sinh viên chính quy: **3,62<sup>m<sup>2</sup></sup>**/ sinh viên (33.156<sup>m<sup>2</sup>/9.151 sinh viên).</sup>

b) Các thông tin khác: *Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị:*

Stt	Tên	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ lĩnh vực/ ngành/ nhóm ngành/
1.	Phòng thực hành tin học	5 phòng	290 máy tính	Lĩnh vực nhân văn; Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý và Lĩnh vực Pháp luật
2.	Phòng thí nghiệm...	Không	Không	

### 10.3. Danh sách giảng viên (tính đến ngày 31/12/2022)

a) Danh sách giảng viên toàn thời gian:

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học	
1.	Đỗ Văn Đại	Đại	Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học	Luật
2.	Vũ Văn Nhiêm	Nhiêm	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
3.	Hà Thị Thanh Bình	Bình	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
4.	Trần Thị Thùy Dương	Dương	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
5.	Lê Huỳnh Tấn Duy	Duy	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
6.	Lê Thị Nam Giang	Giang	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
7.	Trần Hoàng Hải	Hải	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
8.	Nguyễn Thị Phương Hoa	Hoa	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
9.	Nguyễn Cảnh Hợp	Hợp	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật



Stt	Họ và tên		Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
10.	Phan Nhật	Thanh	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
11.	Nguyễn Thị Kim	Anh		Tiến sĩ	Luật	Luật
12.	Nguyễn Thị	Bích		Tiến sĩ	Luật học	Luật
13.	Lê Vĩnh	Châu		Tiến sĩ	Luật học	Luật
14.	Đinh Thị	Chiên		Tiến sĩ	Luật học	Luật
15.	Nguyễn Thái	Cường		Tiến sĩ	Luật học	Luật
16.	Đặng Tất	Dũng		Tiến sĩ	Luật học	Luật
17.	Đỗ Hải	Hà		Tiến sĩ	Luật học	Luật
18.	Trần Thị Thu	Hà <sup>(1977)</sup>		Tiến sĩ	Luật học	Luật
19.	Ngô Thị Minh	Hằng		Tiến sĩ	Ngữ văn	Luật
20.	Nguyễn Thị	Hoa		Tiến sĩ	Luật học	Luật
21.	Nguyễn Thị Ánh	Hồng		Tiến sĩ	Luật học	Luật
22.	Nguyễn Mạnh	Hùng		Tiến sĩ	Luật học	Luật
23.	Phạm Trí	Hùng		Tiến sĩ	Luật học	Luật
24.	Lê Thị Thúy	Hương		Tiến sĩ	Luật học	Luật
25.	Nguyễn Huỳnh Bảo	Khánh		Tiến sĩ	Luật học	Luật
26.	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		Tiến sĩ	Luật học	Luật
27.	Trương Thị Tuyết	Minh		Tiến sĩ	Luật học	Luật
28.	Trần Hoàng	Nga		Tiến sĩ	Luật học	Luật
29.	Võ Thị Kim	Oanh		Tiến sĩ	Luật học	Luật
30.	Dương Hồng Thị Phi	Phi		Tiến sĩ	Luật học	Luật
31.	Hoàng Thị Tuệ	Phương		Tiến sĩ	Luật học	Luật
32.	Đặng Anh	Quân		Tiến sĩ	Luật học	Luật
33.	Nguyễn Xuân	Quang		Tiến sĩ	Luật học	Luật
34.	Lương Thị Mỹ	Quỳnh		Tiến sĩ	Luật học	Luật
35.	Trần Thị	Rồi		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam	Luật
36.	Lê Trường	Sơn		Tiến sĩ	Luật học	Luật
37.	Lê Việt	Sơn		Tiến sĩ	Luật học	Luật
38.	Lê Thế	Tài		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam	Luật
39.	Lưu Quốc	Thái		Tiến sĩ	Luật học	Luật
40.	Phạm	Thái		Tiến sĩ	Luật học	Luật
41.	Lê Nguyên	Thanh		Tiến sĩ	Luật học	Luật
42.	Nguyễn Phương	Thảo <sup>(1989)</sup>		Tiến sĩ	Luật học	Luật
43.	Nguyễn Thị	Thư		Tiến sĩ	Luật học	Luật
44.	Nguyễn Văn	Tiến		Tiến sĩ	Luật học	Luật
45.	Võ Trung	Tín		Tiến sĩ	Luật học	Luật
46.	Nguyễn Thị Minh	Trâm		Tiến sĩ	Luật học	Luật
47.	Nguyễn Thị Thiện	Trí		Tiến sĩ	Luật học	Luật
48.	Đỗ Thanh	Trung		Tiến sĩ	Luật học	Luật
49.	Phan Anh	Tuấn		Tiến sĩ	Luật học	Luật
50.	Phạm Văn	Võ		Tiến sĩ	Luật học	Luật
51.	Lê Tường	Vy		Tiến sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự	Luật
52.	Nguyễn Phương	An		Thạc sĩ	Luật học	Luật
53.	Chung Lê Hồng	Ân		Thạc sĩ	Luật học	Luật
54.	Nguyễn Phương	Ân		Thạc sĩ	Luật học	Luật
55.	Hà Ngọc Quỳnh	Anh		Thạc sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự	Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
56.	Lê Ngọc Anh		Thạc sĩ	Luật học	Luật
57.	Nguyễn Mai Anh		Thạc sĩ	Luật học	Luật
58.	Nguyễn Thị Tuyết Anh		Thạc sĩ	Luật học	Luật
59.	Nguyễn Tú Anh		Thạc sĩ	Luật học	Luật
60.	Lê Nhật Bảo		Thạc sĩ	Luật học	Luật
61.	Lê Văn Bích		Thạc sĩ	Tâm lý học	Luật
62.	Đặng Thái Bình		Thạc sĩ	Luật học	Luật
63.	Nguyễn Ngọc Trân Châu		Thạc sĩ	Luật học	Luật
64.	Trần Kim Chi		Thạc sĩ	Luật học	Luật
65.	Đặng Quốc Chương		Thạc sĩ	Luật học	Luật
66.	Lê Trần Quốc Công		Thạc sĩ	Luật học	Luật
67.	Nguyễn Thị Kim Cúc		Thạc sĩ	Luật học	Luật
68.	Vũ Duy Cương		Thạc sĩ	Luật học	Luật
69.	Hoàng Thế Cường		Thạc sĩ	Luật quốc tế và so sánh	Luật
70.	Hoàng Vũ Cường		Thạc sĩ	Luật học	Luật
71.	Tăng Thị Bích Diễm		Thạc sĩ	Luật học	Luật
72.	Nguyễn Thị Thùy Dung (23/02/91)		Thạc sĩ	Luật học	Luật
73.	Vũ Thị Ngọc Dung		Thạc sĩ	Luật học	Luật
74.	Lê Thị Thùy Dương		Thạc sĩ	Luật học	Luật
75.	Nguyễn Trung Dương		Thạc sĩ	Luật học	Luật
76.	Danh Phạm Mỹ Duyên		Thạc sĩ	Luật học	Luật
77.	Nguyễn Thị Kim Duyên		Thạc sĩ	Luật học	Luật
78.	Võ Tấn Đào		Thạc sĩ	Luật học	Luật
79.	Võ Hưng Đạt		Thạc sĩ	Luật học	Luật
80.	Đình Văn Đoàn		Thạc sĩ	Luật học	Luật
81.	Nguyễn Hoài Đông		Thạc sĩ	Triết học	Luật
82.	Trần Thị Thuận Giang		Thạc sĩ	Luật học	Luật
83.	Vũ Lê Hải Giang		Thạc sĩ	Luật học	Luật
84.	Lê Thanh Hà		Thạc sĩ	Luật học	Luật
85.	Nguyễn Hiếu Hà		Thạc sĩ	Giáo dục học	Luật
86.	Trần Thị Ngọc Hà		Thạc sĩ	Luật học	Luật
87.	Trần Thị Thu Hà <sup>(1987)</sup>		Thạc sĩ	Luật học	Luật
88.	Nguyễn Tân Hoàng Hải		Thạc sĩ	Luật học	Luật
89.	Nguyễn Thị Thu Hằng		Thạc sĩ	Luật học	Luật
90.	Nguyễn Hoàng Phước Hạnh		Thạc sĩ	Luật học	Luật
91.	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		Thạc sĩ	Luật học	Luật
92.	Phạm Thị Hiền		Thạc sĩ	Luật học	Luật
93.	Phan Thị Phương Hiền		Thạc sĩ	Luật học	Luật
94.	Lương Minh Hiếu		Thạc sĩ	Giáo dục học	Luật
95.	Nguyễn Lê Hoài		Thạc sĩ	Luật học	Luật
96.	Lê Nhật Hồng		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Luật
97.	Trần Linh Huân		Thạc sĩ	Luật học	Luật
98.	Nguyễn Văn Hùng		Thạc sĩ	Luật học	Luật
99.	Nguyễn Thị Lan Hương		Thạc sĩ	Luật học	Luật
100.	Lê Vũ Huy		Thạc sĩ	Luật học	Luật
101.	Nguyễn Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Luật học	Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
102.	Nguyễn Thị Vân	Huyền	Thạc sĩ	Luật học	Luật
103.	Nguyễn Hoàng Thái	Hy	Thạc sĩ	Luật học	Luật
104.	Mai Thị	Lâm	Thạc sĩ	Luật học	Luật
105.	Nguyễn Việt Anh	Lân	Thạc sĩ	Luật	Luật
106.	Hà Nhật	Linh	Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy	Luật
107.	Trần Hoàng Tú	Linh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
108.	Trịnh Thị Kim	Loan	Thạc sĩ	Luật học	Luật
109.	Nguyễn Trọng	Luân	Thạc sĩ	Luật học	Luật
110.	Nguyễn Hương	Ly	Thạc sĩ	Luật học	Luật
111.	Phan Tuấn	Ly	Thạc sĩ	Luật học	Luật
112.	Nguyễn Thị Bích	Mai	Thạc sĩ	Luật học	Luật
113.	Phạm Thị Tuyết	Mai	Thạc sĩ	Luật học	Luật
114.	Lê Thị	Mận	Thạc sĩ	Luật học	Luật
115.	Đình Hà	Minh	Thạc sĩ	Luật thương mại	Luật
116.	Kim Nguyễn Hồng	Minh	Thạc sĩ	Luật quốc tế	Luật
117.	Trần Quốc	Minh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
118.	Trần Thị Ánh	Minh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
119.	Trần Thị Trúc	Minh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
120.	Lê Thị	Mơ	Thạc sĩ	Luật học	Luật
121.	Lê Thị Anh	Nga	Thạc sĩ	Luật học	Luật
122.	Trần Thị Bảo	Nga	Thạc sĩ	Luật học	Luật
123.	Nguyễn Kim	Ngân	Thạc sĩ	Nhật bản học	Luật
124.	Phan Thị Kim	Ngân	Thạc sĩ	Luật học	Luật
125.	Phan Nguyễn Bảo	Ngọc	Thạc sĩ	Luật học	Luật
126.	Ngô Kim Hoàng	Nguyên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
127.	Trịnh Anh	Nguyên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
128.	Lý Thành	Nhân	Thạc sĩ	Luật học	Luật
129.	Huỳnh Thị Hồng	Nhiên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
130.	Lê Minh	Nhật	Thạc sĩ	Luật học	Luật
131.	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Thạc sĩ	Luật quốc tế và so sánh	Luật
132.	Xa Kiều	Oanh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
133.	Lê Hà Huy	Phát	Thạc sĩ	Luật học	Luật
134.	Lê Tấn	Phát	Thạc sĩ	Luật học	Luật
135.	Nguyễn Vũ Pha	Phim	Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	Luật
136.	Đặng Thị Thanh	Phúc	Thạc sĩ	Giáo dục học	Luật
137.	Mai Khắc	Phúc	Thạc sĩ	Luật học	Luật
138.	Trương Tư	Phước	Thạc sĩ	Luật học	Luật
139.	Huỳnh Minh	Phương	Thạc sĩ	Luật học	Luật
140.	Lê Đức	Phương	Thạc sĩ	Luật học	Luật
141.	Lê Thị Diễm	Phương	Thạc sĩ	Luật học	Luật
142.	Nguyễn Thị Minh	Phương	Thạc sĩ	Luật quốc tế	Luật
143.	Phạm Duy	Quang	Thạc sĩ	Luật học	Luật
144.	Nguyễn Thanh	Quyên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
145.	Vũ Thị	Quyên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
146.	Lường Minh	Son	Thạc sĩ	Luật học	Luật
147.	Hoàng Thị Minh	Tâm	Thạc sĩ	Luật học	Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
148.	Dũng Thị Mỹ	Thâm	Thạc sĩ	Luật học	Luật
149.	Nguyễn Nhật	Thanh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
150.	Phùng Hồng	Thanh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
151.	Lê Thị Thu	Thảo	Thạc sĩ	Luật học	Luật
152.	Nguyễn Phương	Thảo <sup>(1992)</sup>	Thạc sĩ	Luật học	Luật
153.	Nguyễn Phương	Thảo <sup>(1993)</sup>	Thạc sĩ	Luật học	Luật
154.	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Thạc sĩ	Luật học	Luật
155.	Phạm Thị Phương	Thảo <sup>(1984)</sup>	Thạc sĩ	Luật học	Luật
156.	Phạm Thị Phương	Thảo <sup>(1989)</sup>	Thạc sĩ	Luật học	Luật
157.	Phan Nguyễn Phương	Thảo	Thạc sĩ	Luật học	Luật
158.	Trần Thanh	Thảo	Thạc sĩ	Luật học	Luật
159.	Từ Thanh	Thảo	Thạc sĩ	Luật học	Luật
160.	Ngô Đình	Thiện	Thạc sĩ	Luật học	Luật
161.	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Thạc sĩ	Luật học	Luật
162.	Huỳnh Quang	Thuận	Thạc sĩ	Luật học	Luật
163.	Nguyễn Thị	Thương	Thạc sĩ	Luật học	Luật
164.	Nguyễn Đào Phương	Thúy	Thạc sĩ	Luật học	Luật
165.	Nguyễn Thị	Thúy	Thạc sĩ	Luật học	Luật
166.	Phạm Thị	Thúy	Thạc sĩ	Luật học	Luật
167.	Hoàng Thị Biên	Thùy	Thạc sĩ	Luật học	Luật
168.	Trương Thị Minh	Thùy	Thạc sĩ	Luật học	Luật
169.	Mai Thị	Thùy	Thạc sĩ	Luật học	Luật
170.	Phạm Thị Ngọc	Thùy	Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Luật
171.	Lê Nguyễn Thảo	Thy	Thạc sĩ	Giáo dục học	Luật
172.	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	Thạc sĩ	Luật học	Luật
173.	Đặng Thị Thu	Trang	Thạc sĩ	Luật học	Luật
174.	Huỳnh Thị Thu	Trang	Thạc sĩ	Luật so sánh	Luật
175.	Nguyễn Hoàng Thùy	Trang	Thạc sĩ	Luật học	Luật
176.	Trần Ngọc Lan	Trang	Thạc sĩ	Luật học	Luật
177.	Lê Văn	Tranh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
178.	Huỳnh Việt Minh	Trí	Thạc sĩ	Luật quốc tế	Luật
179.	Nguyễn Văn	Trí	Thạc sĩ	Luật học	Luật
180.	Nguyễn Hữu	Túc	Thạc sĩ	Xã hội học	Luật
181.	Ngô Khánh	Tùng	Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Luật
182.	Trần Ngọc Lương	Tuyền	Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Luật
183.	Đặng Lê Phương	Uyên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
184.	Đặng Nguyễn Phương	Uyên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
185.	Lê Thị Hồng	Vân <sup>(1982)</sup>	Thạc sĩ	Luật học	Luật
186.	Ngô Thị Anh	Vân	Thạc sĩ	Luật học	Luật
187.	Hoàng	Việt	Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam	Luật
188.	Nguyễn Tuấn	Vũ	Thạc sĩ	Luật học	Luật
189.	Đào Thị	Vui	Thạc sĩ	Luật học	Luật
190.	Ngô Nguyễn Thảo	Vy	Thạc sĩ	Luật học	Luật
191.	Đoàn Công	Yên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
192.	Nguyễn Hoàng	Yên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
193.	Nguyễn Bá	Anh	Đại học	Công nghệ thông tin	Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học	
194.	Nguyễn Thảo Lâm	Viên		Đại học	Luật học	Luật
195.	Trần Việt	Dũng	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật TMQT
196.	Lê Thị Ngọc	Hà		Tiến sĩ	Luật học	Luật TMQT
197.	Đỗ Thị Mai	Hạnh		Tiến sĩ	Luật học	Luật TMQT
198.	Trần Thị Mỹ	Hạnh		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	Luật TMQT
199.	Lê Thị Hồng	Vân <sup>(1963)</sup>		Tiến sĩ	Ngữ văn	Luật TMQT
200.	Trần Nhân	Chính		Thạc sĩ	Luật học	Luật TMQT
201.	Lê Thị Trường	Giang		Thạc sĩ	Giáo dục chính trị	Luật TMQT
202.	Trần Ngọc	Hà		Thạc sĩ	Luật quốc tế và so sánh	Luật TMQT
203.	Nguyễn Thị	Hằng		Thạc sĩ	Luật học	Luật TMQT
204.	Hà Thị	Hạnh		Thạc sĩ	Luật học	Luật TMQT
205.	Nguyễn Xuân Mỹ	Hiền		Thạc sĩ	Luật học	Luật TMQT
206.	Ngô Thị Kim	Hoàng		Thạc sĩ	Luật học	Luật TMQT
207.	Lê Thị	Hồng		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam	Luật TMQT
208.	Nguyễn Ngọc Hồng	Phượng		Thạc sĩ	Luật học	Luật TMQT
209.	Lê Minh	Tuyên		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Luật TMQT
210.	Trần Thăng	Long	PGS	Tiến sĩ	Luật quốc tế	Ngôn ngữ Anh
211.	Lê Thị Thúy	Hằng		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam	Ngôn ngữ Anh
212.	Trần Đăng Khánh	Linh		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
213.	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		Tiến sĩ	Luật học	Ngôn ngữ Anh
214.	Phạm Thị Phương	Anh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
215.	Phan Lê	Chi		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ Anh
216.	Phạm Thị Thùy	Dung		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
217.	Nguyễn Thị Mai	Phượng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
218.	Nguyễn Thái	Sơn		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
219.	Hoàng Ngọc Thanh	Trúc		Thạc sĩ	Đông phương học	Ngôn ngữ Anh
220.	Nguyễn Thị	Thúy	PGS	Tiến sĩ	Luật học	QTKD
221.	Trần Ngọc	Anh		Tiến sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam	QTKD
222.	Nguyễn Quyết	Chiến		Tiến sĩ	Kinh tế	QTKD
223.	Nguyễn Minh	Đạt		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	QTKD
224.	Hoàng Văn	Long		Tiến sĩ	Kinh tế học	QTKD
225.	Lương Công	Nguyễn		Tiến sĩ	Khoa học và kỹ thuật quản lý	QTKD
226.	Nguyễn Xuân	Tùng		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	QTKD
227.	Vũ Thị Thanh	Vân		Tiến sĩ	Luật học	QTKD
228.	Phạm Văn	Dinh		Thạc sĩ	Giáo dục học	QTKD
229.	Lê Thị Ngân	Hà		Thạc sĩ	Luật học	QTKD
230.	Phạm Thị Minh	Hải		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	QTKD
231.	Nguyễn Hoàng Phước	Hiền		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	QTKD
232.	Nguyễn Thị Thu	Hiền		Thạc sĩ	Luật quốc tế và so sánh	QTKD

Stt	Họ và tên		Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
233.	Trần Minh	Hiệp		Thạc sĩ	Luật học	QTKD
234.	Ngô Gia	Hoàng		Thạc sĩ	Luật học	QTKD
235.	Đỗ Nguyễn Hữu	Tân		Thạc sĩ	Kế toán và tài chính	QTKD
236.	Bành Trần Tường	Vân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	QTKD
237.	Bùi Xuân	Hải	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
238.	Phan Huy	Hồng	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
239.	Phạm Đình	Nghiêm	PGS	Tiến sĩ	Triết học	Quản trị - Luật
240.	Nguyễn Văn	Vân	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
241.	Phan Thị Thành	Dương		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
242.	Nguyễn Thanh	Hải		Tiến sĩ	Triết học	Quản trị - Luật
243.	Nguyễn Hồ Bích	Hằng		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
244.	Đặng Thanh	Hoa		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
245.	Phan Hoài	Nam		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
246.	Phan Phương	Nam		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
247.	Lê	Nét		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
248.	Lê Thị Minh	Ngọc		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
249.	Nguyễn Quốc	Vinh		Tiến sĩ	Triết học	Quản trị - Luật
250.	Vũ Thanh	An		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Quản trị - Luật
251.	Nguyễn Phan Vân	Anh		Thạc sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
252.	Nguyễn Thanh Hoàng	Anh		Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý	Quản trị - Luật
253.	Hồ Hoàng Gia	Bảo		Thạc sĩ	Tài chính và vận tải biển quốc tế	Quản trị - Luật
254.	Lê Ngọc	Diễm		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
255.	Nguyễn Thị Thùy	Dung (23/10/91)		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
256.	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Quản trị - Luật
257.	Hoàng Hương	Giang		Thạc sĩ	Kinh tế	Quản trị - Luật
258.	Ngô Huỳnh	Giang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
259.	Nguyễn Thị Phương	Hà		Thạc sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
260.	Nguyễn Tất	Hào		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản trị - Luật
261.	Nguyễn Bá	Hoàng		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Quản trị - Luật
262.	Vũ Đức Nghĩa	Hung		Thạc sĩ	Tài chính và thương mại quốc tế	Quản trị - Luật
263.	Nguyễn Thanh	Khương		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Quản trị - Luật
264.	Hà Thị Thanh	Mai		Thạc sĩ	Marketing	Quản trị - Luật
265.	Vũ Quang	Mạnh		Thạc sĩ	Tài chính và ngân hàng	Quản trị - Luật
266.	Nguyễn Thị	Ngọc		Thạc sĩ	Tài chính	Quản trị - Luật
267.	Võ Thị Thảo	Nguyên		Thạc sĩ	Chính sách công	Quản trị - Luật
268.	Trần Thùy	Nhung		Thạc sĩ	Kinh tế	Quản trị - Luật
269.	Nguyễn Quốc	Ninh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
270.	Lê Hoàng	Phong		Thạc sĩ	Tài chính và ngân hàng	Quản trị - Luật
271.	Nguyễn Quốc	Phong		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Quản trị - Luật
272.	Nghiêm Thị Vân	Thanh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
273.	Trần Văn	Thượng		Thạc sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
274.	Hoàng Thị	Thúy		Thạc sĩ	Toán học ứng dụng	Quản trị - Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
275.	Nguyễn Trọng Tín		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Quản trị - Luật
276.	Trần Thị Bảo Trâm		Thạc sĩ	Hình học và tô pô	Quản trị - Luật
277.	Đặng Hoa Trang		Thạc sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
278.	Phạm Thị Minh Trang		Thạc sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
279.	Nguyễn Trần Bảo Uyên		Thạc sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
280.	Đặng Huỳnh Thiên Vy		Thạc sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
<b>Tổng số giảng viên toàn trường: 280, trong đó:</b>					
- Giáo sư: 1;					
- Phó Giáo sư: 16;					
- Tiến sĩ: 64;					
- Thạc sĩ: 197;					
- Đại học: 2.					

b) Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học:

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
1.	Nguyễn Hoàng Anh	Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại TP. HCM		Tiến sĩ	Luật, Triết học	Triết học, Chủ nghĩa XHKH, Kinh tế chính trị
2.	Huỳnh Văn Em	Khoa nghiệp vụ cơ bản, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II		Tiến sĩ	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	Luật
3.	Nguyễn Hữu Thế Trạch	Văn phòng Luật sư Thế Nguyễn và cộng sự		Tiến sĩ	Luật	Luật
4.	Lê Thái Hùng	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng		Thạc sĩ	GDTC	Giáo dục thể chất
5.	Đinh Thị Quỳnh Như	Công ty Luật TNHH MTV An Luật		Thạc sĩ	Luật	- Luật; - Quản trị-Luật; - Luật Thương mại quốc tế
6.	Trần Thị Ngọc Nữ	Hội Bảo vệ quyền trẻ em TP. Hồ Chí Minh		Thạc sĩ	Luật	- Luật; - Quản trị-Luật; - Luật Thương mại quốc tế
7.	Nguyễn Thanh Thanh	Công ty Luật TNHH Thanh và Cộng sự		Thạc sĩ	Luật	- Luật; - Quản trị-Luật; - Luật Thương mại quốc tế
8.	Đoàn Nhật Thi	Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại TP. HCM		Thạc sĩ	Triết học	Triết học, Chủ nghĩa XHKH, Kinh tế chính trị
9.	Kiều Anh Vũ	Công ty Luật TNHH KAV		Thạc sĩ	Luật	- Luật; - Quản trị-Luật;

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
		Lawyers				- Luật Thương mại quốc tế
<b>Tổng số giảng viên thỉnh giảng: 9, trong đó:</b>						
- Tiến sĩ: 3;						
- Thạc sĩ: 6.						

10.4. Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/muc-i104-cac-dieu-kien-dam-bao-chat-luong-224.html>.

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/muc-i11-de-an-tuyen-sinh-2022-220.html>.

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://ts.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/muc-i12-quy-che-tuyen-sinh-trinh-do-dai-hoc-nam-2023-343.html>.

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trên trang thông tin điện tử của Trường (nếu Trường có tổ chức thi): Nhà trường không tổ chức thi riêng.

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi tuyển sinh của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trên trang thông tin điện tử của Trường (nếu Trường có tổ chức thi): Nhà trường không tổ chức thi riêng.

## II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

### 2.1. Tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy trình độ đại học

#### 2.1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

a) Đối tượng dự tuyển là thí sinh được Trường thực hiện việc xử lý nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ, bao gồm:

(i) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương tại Việt Nam;

(ii) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

(iii) Ngoài ra, đối với phương thức xét tuyển sớm, gồm “xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển sớm theo Đề án tuyển sinh của Trường” thì để được dự tuyển, thí sinh còn phải đạt các điều kiện theo quy định tại Mục 2.1.3.

b) Đối tượng dự tuyển quy định tại Mục 2.1.1.a phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Đạt ngưỡng đầu vào đối với từng phương thức tuyển sinh theo quy định tại Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường và tại Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường;

(ii) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

(iii) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.



c) Đối tượng dự tuyển quy định tại Mục 2.1.1.a được lựa chọn 1 hoặc cả 2 phương thức tuyển sinh được quy định tại Mục 2.1.3 để đăng ký dự tuyển.

### 2.1.2. Phạm vi tuyển sinh:

a) Tuyển sinh trong cả nước đối với tất cả thí sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện dự tuyển theo quy định tại Mục 2.1.1;

b) Các ngành được phép tuyển sinh và đào tạo tại Mục I.9 được thực hiện bằng phương thức xét tuyển theo quy định tại Mục 2.1.3.

2.1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): xét tuyển theo 2 phương thức:

**a) Phương thức 1** (xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển sớm theo Đề án tuyển sinh của Trường): **tối đa 40%/ tổng chỉ tiêu**, cho 3 đối tượng:

• Đối tượng “xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển” theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là **đối tượng 1**):

(i) Thí sinh thuộc diện “được tuyển thẳng” theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

(ii) Thí sinh thuộc diện “được xét tuyển thẳng” theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học (*ban hành kèm theo Quyết định số 436/QĐ-ĐHL ngày 04/5/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, sau đây viết tắt là Quy chế tuyển sinh của Trường*), được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp với môn đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; và **đã tốt nghiệp THPT trong năm 2023**. Cụ thể như sau:

- *Môn Văn, Toán và tiếng Anh*: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật, ngành Luật Thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh;

- *Môn tiếng Nhật và tiếng Pháp*: đối với ngành Luật;

- *Môn Lý*: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật và ngành Luật Thương mại quốc tế;

- *Môn Hóa*: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật;

- *Môn Sử*: đối với ngành Luật và ngành Ngôn ngữ Anh;

- *Môn Địa*: đối với ngành Luật.

(iii) Thí sinh thuộc diện “được xét tuyển thẳng” theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Trường;

(iv) Thí sinh thuộc diện “được ưu tiên xét tuyển” theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Trường.

• Đối tượng có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (*tiếng Anh/ hoặc tiếng Pháp/ hoặc tiếng Nhật*) thuộc diện “được xét tuyển sớm” theo Đề án tuyển sinh của Trường (sau đây gọi tắt là **đối tượng 2**); những chứng chỉ này nếu có quy định về thời hạn thì phải còn giá trị **đến ngày 30/6/2023**. Thí sinh phải đáp ứng đủ 3 điều kiện sau:

(i) Thứ nhất, đã tốt nghiệp THPT;

(ii) *Thứ hai*, có trình độ ngoại ngữ quốc tế đạt tối thiểu như sau:

- Đối với tiếng Anh: **IELTS đạt điểm từ 5,5 trở lên** (do *British Council (BC)* hoặc *International Development Program (IDP)* cấp); hoặc **TOEFL iBT đạt điểm từ 65 trở lên** (do *Educational Testing Service (ETS)* cấp);

- Đối với tiếng Pháp: chứng chỉ **DELFB đạt từ trình độ B1** trở lên hoặc chứng chỉ **TCF đạt điểm từ 300 trở lên/ kỹ năng** trở lên. Hai loại chứng chỉ này phải do Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (*Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP*) cấp;

- Đối với tiếng Nhật: chứng chỉ **JLPT đạt từ trình độ N3** trở lên (do *Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation - JF)* cấp, trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật).

(iii) *Thứ ba*, có **điểm trung bình cộng** của 5 học kỳ THPT (gồm năm *Lớp 10, Lớp 11 và học kỳ 1 năm Lớp 12*) của 03 môn thuộc Tổ hợp đăng ký xét tuyển **đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên** (điểm trung bình này được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân).

• Đối tượng đạt học sinh giỏi tại các trường THPT thuộc diện “xét tuyển sớm” theo Đề án tuyển sinh của Trường (sau đây gọi tắt là **đối tượng 3**): thí sinh phải đáp ứng đủ 4 điều kiện sau:

(i) *Thứ nhất*, đã tốt nghiệp THPT;

(ii) *Thứ hai*, phải **học đủ 3 năm** tại các trường có tên trong “*Danh sách các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển sớm năm 2023 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*”;

(iii) *Thứ ba*, có kết quả học tập của từng năm *Lớp 10, Lớp 11 và Lớp 12* được xếp **loại giỏi**; và có tổng điểm trung bình năm học của 3 năm THPT **đạt tổng điểm từ 24,5 trở lên** (điểm trung bình này được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân);

(iv) *Thứ tư*, có **điểm trung bình cộng** của 5 học kỳ THPT (gồm năm *Lớp 10, Lớp 11 và học kỳ 1 năm Lớp 12*) của 03 môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển **đạt tổng điểm từ 24,5 trở lên** (điểm trung bình này được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân).

**b) Phương thức 2** (xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023):

(i) Chỉ tiêu xét tuyển: **tối thiểu là 60%/tổng chỉ tiêu**;

(ii) Đối tượng: dành cho thí sinh đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Mục 2.1.1 nêu trên;

(iii) Cách thức và thời hạn đăng ký xét tuyển:

- Thí sinh thực hiện việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây viết tắt là Hệ thống của Bộ) hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia từ ngày 10/7/2023 đến 17g00' ngày 30/7/2023;

- Thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để xử lý thông tin liên quan đến việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ như: nhập, chỉnh sửa, xem;

- Thí sinh không bị hạn chế, giới hạn số lượng nguyện vọng và số lần điều chỉnh nguyện vọng khi đăng ký xét tuyển;

- Thí sinh phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

(iv) Trường không sử dụng kết quả miễn thi đối với môn thi ngoại ngữ trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023; không sử dụng điểm thi trong Kỳ thi THPT quốc gia, Kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm trước để xét tuyển.

**Lưu ý:** Trường hợp tuyển sinh theo Phương thức 1 chưa hết chỉ tiêu (hoặc tuyển dư chỉ tiêu, tối đa không quá 5%) thì số chỉ tiêu còn lại sẽ được chuyển sang Phương thức 2 (hoặc sẽ điều chỉnh giảm chỉ tiêu của Phương thức 2 tương ứng với số chỉ tiêu tuyển vượt của Phương thức 1, tối đa không quá 5%).

2.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (chỉ tiêu theo ngành/ nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo):

Stt	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup> 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1.	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét kết quả thi TN THPT	70	D01	Văn	D14	Văn	D66	Văn	D84	Toán
			301	Xét tuyển thăng theo Điều 8 của Quy chế	30	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022							
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường		D01	Văn	D14	Văn	D66	Văn	D84	Toán
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế		D01	Văn	D14	Văn	D66	Văn	D84	Toán

<sup>1</sup> Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

Stt	Mã ngành/ nhóm ngành ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup> 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
2.	7340101	Quản trị kinh doanh	100	Xét kết quả thi TN THPT	97	A00	Toán	A01	Toán	D01	Văn	D84	Toán
			301	Xét tuyển thăng theo Điều 8 của Quy chế	53	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022							
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường		A00	Toán	A01	Toán	D01	Văn	D84	Toán
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế		A00	Toán	A01	Toán	D01	Văn	D84	Toán
3.	7340102	Quản trị Luật	100	Xét kết quả thi TN THPT	195	A00	Toán	A01	Toán	D01	Văn	D84	Toán
			301	Xét tuyển thăng theo Điều 8 của Quy chế	105	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022							
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường		A00	Toán	A01	Toán	D01	Văn	D84	Toán
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT		A00	Toán	A01	Toán	D01	Văn	D84	Toán

Stt	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup> 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
4.	7380101	Luật	100	Xét kết quả thi TN THPT	929	A00	Toán	A01	Toán	C00	Văn	D01, D03, D06	Văn
			301	Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế	501	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022							
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường		A00	Toán	A01	Toán	C00	Văn	D01, D03, D06	Văn
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế		A00	Toán	A01	Toán	C00	Văn	D01, D03, D06	Văn
5.	7380109	Luật Thương mại quốc tế	100	Xét kết quả thi TN THPT	78	A01	Toán	D01	Văn	D66	Văn	D84	Toán
			301	Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế	42	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022							
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường		A01	Toán	D01	Văn	D66	Văn	D84	Toán
			410	Kết		A01	Toán	D01	Văn	D66	Văn	D84	Toán

Stt	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup> 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế									

### 2.1.5. Ngưỡng đầu vào:

a) Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (*ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*), Hướng dẫn số 1919/BGDĐT-GDDH ngày 28/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh năm 2023 của Trường;

b) Đối với thí sinh tham gia dự tuyển theo Phương thức 1 (*xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển sớm theo Đề án tuyển sinh của Trường*) thì ngưỡng đầu vào (*tức mức điểm nhận hồ sơ đăng ký nguyện vọng xét tuyển*) của từng ngành đào tạo được xác định và công bố cùng thời điểm với việc xác định và công bố phương thức tuyển sinh;

c) Đối với thí sinh tham gia dự tuyển theo Phương thức 2 (*xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023*) thì ngưỡng đầu vào sẽ được Trường thông báo ngay sau khi các Hội đồng thi công bố kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023; thời hạn này phải trước ít nhất là 10 ngày, trước khi thí sinh kết thúc việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ.

2.1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường (*mã trường; mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển; mã phương thức xét tuyển; tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lịch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển*):

a) Mã trường (ký hiệu trường): **LPS**; tên trường: Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh;

b) Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển (*mã tuyển sinh các ngành đào tạo*) và tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển (*tên tuyển sinh các ngành đào tạo*); mã phương thức xét tuyển và tên phương thức xét tuyển; mã tổ hợp xét tuyển và tên tổ hợp xét tuyển:

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức	Tên phương thức	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp
1.	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	D01	Văn, Toán, tiếng Anh
					D14	Văn, Lịch sử, tiếng Anh
					D66	Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh
			301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế	-	-

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức	Tên phương thức	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp			
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	D01	Văn, Toán, tiếng Anh			
					D14	Văn, Lịch sử, tiếng Anh			
					D66	Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh			
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh			
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	D01	Văn, Toán, tiếng Anh			
					D14	Văn, Lịch sử, tiếng Anh			
					D66	Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh			
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh			
2.	7340101	Quản trị kinh doanh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Lý, Hóa			
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh			
					D01	Văn, Toán, tiếng Anh			
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh			
			301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế	-	-			
					-	-			
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	A00	Toán, Lý, Hóa			
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh			
					D01	Văn, Toán, tiếng Anh			
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh			
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A00	Toán, Lý, Hóa			
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh			
					D01	Văn, Toán, tiếng Anh			
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh			
			3.	7340102	Quản trị - Luật	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Lý, Hóa
								A01	Toán, Lý, tiếng Anh
D01	Văn, Toán, tiếng Anh								
D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh								
301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh	-				-			
		-				-			
303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	A00				Toán, Lý, Hóa			
		A01				Toán, Lý, tiếng Anh			
		D01				Văn, Toán, tiếng Anh			
		D84				Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh			
410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A00				Toán, Lý, Hóa			
		A01				Toán, Lý, tiếng Anh			
		D01				Văn, Toán, tiếng Anh			
		D84				Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh			
4.	7380101	Luật				100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Lý, Hóa
								A01	Toán, Lý, tiếng Anh
			C00	Văn, Sử, Địa					
			D <sub>01,03,06</sub>	Văn, Toán, Ngoại ngữ ( <b>D01</b> : tiếng Anh, <b>D03</b> : tiếng Pháp, <b>D06</b> : tiếng Nhật)					
			301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh	-	-			
					-	-			
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	A00	Toán, Lý, Hóa			
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh			
					C00	Văn, Sử, Địa			
					C00	Văn, Sử, Địa			

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức	Tên phương thức	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp			
					D <sub>01,03,06</sub>	Văn, Toán, Ngoại ngữ ( <b>D01</b> : tiếng Anh, <b>D03</b> : tiếng Pháp, <b>D06</b> : tiếng Nhật)			
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A00	Toán, Lý, Hóa			
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh			
					C00	Văn, Sử, Địa			
					D <sub>01,03,06</sub>	Văn, Toán, Ngoại ngữ ( <b>D01</b> : tiếng Anh, <b>D03</b> : tiếng Pháp, <b>D06</b> : tiếng Nhật)			
5.	7380109	Luật Thương mại quốc tế	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A01	Toán, Lý, tiếng Anh			
					D01	Văn, Toán, tiếng Anh			
					D66	Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh			
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh			
						301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh	-	-
						303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D01			Văn, Toán, tiếng Anh	
					D66			Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh	
					D84			Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh	
						410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D01			Văn, Toán, tiếng Anh	
					D66			Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh	
		D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh						

c) Nguyên tắc đăng ký xét tuyển, số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển; và nguyên tắc xét đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT):

• Nguyên tắc đăng ký nguyện vọng xét tuyển và số lượng nguyện vọng được đăng ký xét tuyển:

(i) Đối với thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo Phương thức 1 (*xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển sớm theo Đề án tuyển sinh của Trường*):

- Thí sinh đã đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo phương thức “xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển” (*tức đã đăng ký theo đối tượng 1*) **thì không được** đăng ký theo phương thức “xét tuyển sớm” (*tức không được đăng ký đối tượng 2 và/hoặc đối tượng 3*);

- Thí sinh đủ điều kiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo đối tượng 2 và đối tượng 3 **thì được quyền** đăng ký dự tuyển cả hai đối tượng;

- Thí sinh thuộc đối tượng 1 được đăng ký **tối đa 5 (năm)** nguyện vọng; thí sinh thuộc đối tượng 2 và/hoặc đối tượng 3 được đăng ký **không hạn chế số lượng nguyện vọng**; các nguyện vọng của thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành đào tạo của Trường theo Phương thức 1 được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

(ii) Đối với thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo Phương thức 2 (*xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023*):

- Thí sinh phải ghi đúng, đủ và thực hiện việc lựa chọn căn cứ để xét tuyển trên Hệ thống của Bộ, bao gồm các thông tin: thứ tự nguyện vọng; tên trường và mã trường; tên ngành và mã ngành và căn cứ để xét tuyển đối với các nguyện vọng đã đăng



ký phải phù hợp với các điều kiện dự tuyển được quy định tại Quy chế tuyển sinh của Trường;

- Thí sinh **không bị hạn chế** số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển;

- Thí sinh được điều chỉnh, bổ sung nguyện vọng xét tuyển **không giới hạn số lần**;

- Thí sinh **phải xác nhận** “số lượng nguyện vọng và thứ tự nguyện vọng” trên Hệ thống của Bộ và đồng thời **phải nộp lệ phí xét tuyển** theo số lượng nguyện vọng đã đăng ký xét tuyển bằng hình thức trực tuyến trong thời hạn quy định (**từ ngày 31/7/2023 đến 17g00’ ngày 06/8/2023**). Trường hợp thí sinh **chưa xác nhận** “số lượng nguyện vọng và thứ tự nguyện vọng” hoặc chưa nộp “lệ phí xét tuyển” thì Hệ thống **chưa chấp nhận** việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển của thí sinh.

● Nguyên tắc xét đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT):

(i) Đối với thí sinh **chỉ đăng ký xét tuyển** theo đối tượng 1 hoặc đối tượng 2 hoặc đối tượng 3: trường hợp có nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển thì thí sinh được Trường công nhận và công bố trúng tuyển (dự kiến) **theo nguyện vọng cao nhất**;

(ii) Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo đối tượng 2 và đối tượng 3: trường hợp có nhiều nguyện vọng thuộc đối tượng 2 và đối tượng 3 **cùng đủ điều kiện trúng tuyển** thì thí sinh được Trường công nhận và công bố trúng tuyển (dự kiến) **theo nguyện vọng cao nhất của đối tượng 2**;

(iii) Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023: việc xét điều kiện trúng tuyển và xử lý nguyện vọng trúng tuyển được thực hiện trên Hệ thống của Bộ theo kế hoạch chung.

d) Nguyên tắc xét trúng tuyển (*quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển*):

● Tất cả các nguyện vọng xét tuyển của thí sinh được đăng ký theo Phương thức 1 và Phương thức 2 đều được xử lý nguyện vọng trên Hệ thống của Bộ; và mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng được thí sinh đăng ký hợp lệ và đủ điều kiện trúng tuyển;

● Thí sinh đã hoàn thành việc dự tuyển vào Trường theo Phương thức 1, nếu được Trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển và vẫn còn nguyện vọng theo học tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thì thí sinh **phải đăng ký** nguyện vọng này ở thứ tự ưu tiên cao nhất (tức phải đăng ký ở nguyện vọng 1; chỉ khuyến nghị) trên Hệ thống của Bộ để được xét trúng tuyển chính thức;

● Đối với thí sinh thuộc diện **đối tượng 1**: sẽ được Trường xét trúng tuyển vào ngành mà thí sinh đăng ký xét tuyển ở nguyện vọng 1;

● Đối với thí sinh thuộc diện **đối tượng 2**: khi có thí sinh đạt đủ các điều kiện theo quy định tại “Mục 2.1.3.a” nhiều hơn so với tổng chỉ tiêu của Phương thức 1, Trường sẽ xét trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên:

(i) Điểm của Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế;

(ii) Điểm trung bình cộng của 5 học kỳ THPT của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (*được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân*);

(iii) Điểm trung bình cộng của 5 học kỳ THPT **của môn chính** thuộc tổ hợp xét tuyển; riêng Tổ hợp D00 thì môn chính là Ngữ văn.

● Đối với thí sinh thuộc diện **đối tượng 3**: khi có thí sinh đạt đủ các điều kiện theo quy định tại “Mục 2.1.3.a” nhiều hơn so với tổng chỉ tiêu của Phương thức 1, Trường sẽ xét trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên:

(i) Tổng điểm trung bình năm học của 3 năm THPT Lớp 10, Lớp 11 và Lớp 12 (*được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân*);

(ii) Điểm trung bình cộng của 5 học kỳ THPT của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (*được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân*);

(iii) Điểm trung bình cộng của 5 học kỳ THPT **của môn chính** thuộc tổ hợp xét tuyển; riêng Tổ hợp D00 thì môn chính là Ngữ văn.

● Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023:

(i) Điểm trúng tuyển được xác định theo nguyện vọng đăng ký “từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu” để số lượng tuyển được theo từng ngành phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố tại Mục 2.1.4 và không thấp hơn “ngưỡng đầu vào” theo quy định tại Mục 2.1.5; điểm trúng tuyển được xét bình đẳng, chỉ dựa vào tiêu chí là điểm xét tuyển; không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký; không sử dụng tiêu chí phụ để chọn thí sinh trúng tuyển (trong trường hợp có nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách);

(ii) Điểm xét trúng tuyển được Trường xác định theo ngành **và theo từng tổ hợp môn xét tuyển**;

(iii) Điểm xét trúng tuyển khi công bố đã bao gồm điểm “ưu tiên theo khu vực” và “ưu tiên theo đối tượng chính sách” theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ;

(iv) Điểm xét trúng tuyển và xử lý nguyện vọng trúng tuyển của thí sinh được Trường thực hiện trên Hệ thống của Bộ.

2.1.7. Tổ chức tuyển sinh (thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển):

a) Thành phần hồ sơ thí sinh phải chuẩn bị:

● Đối với Phương thức 1:

(i) Thí sinh thuộc diện **đối tượng 1**: chuẩn bị các loại giấy tờ (ảnh chụp hoặc scan) sau:

- Bản chính Căn cước công dân (*có đủ mặt trước và mặt sau*);
- Bản chính Giấy chứng nhận đoạt giải học sinh giỏi quốc gia.

(ii) Thí sinh thuộc diện **đối tượng 2**: chuẩn bị các loại giấy tờ (ảnh chụp hoặc scan) sau:

- Bản chính Căn cước công dân (*có đủ mặt trước và mặt sau*);
- Bản chính Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế;
- Bản chính “Học bạ trung học phổ thông” (*bao gồm cả tờ bìa và tất*

cả các trang có thể hiện đủ điểm của 5 học kỳ) hoặc “Bảng xác nhận kết quả học tập trung học phổ thông của từng môn học” (có đủ điểm của 5 học kỳ) do đại diện Ban Giám hiệu Trường THPT nơi thí sinh đang theo học cấp.

(iii) Thí sinh thuộc diện **đối tượng 3**: chuẩn bị các loại giấy tờ (ảnh chụp hoặc scan) sau:

- Bản chính Căn cước công dân (có đủ mặt trước và mặt sau);
- Bản chính “Học bạ trung học phổ thông” (bao gồm cả tờ bìa và tất cả các trang có thể hiện đủ điểm của 6 học kỳ và “xếp loại kết quả” của mỗi năm học) hoặc “Bảng xác nhận kết quả học tập trung học phổ thông của từng môn học” (có đủ điểm của 6 học kỳ và “xếp loại kết quả” của mỗi năm học) do đại diện Ban Giám hiệu Trường THPT nơi thí sinh đang theo học cấp.

**(iv) Một số lưu ý:**

- Các loại giấy tờ nêu trên phải được chụp ảnh hoặc scan của bản chính, và phải đảm bảo rõ nét, đầy đủ thông tin. Sau đó, phải chuyển đổi hình ảnh đã chụp hoặc scan sang **file PDF** (trùng ứng với 1 loại giấy tờ là 1 file), với kích thước mỗi file tối đa là **10 Mb**;

- Đọc hướng dẫn và thực hiện scan tài liệu theo định dạng file PDF (có hướng dẫn trên Trang thông tin điện tử của Trường);

- Thí sinh lưu tên các file PDF đã chuyển đổi theo đúng cú pháp sau: **“Số căn cước công dân\_Họ và tên thí sinh\_Tên của loại giấy tờ”**. Ví dụ:

- + [042084000123\_Nguyễn Văn A\_Căn cước công dân];
- + [042084000123\_Nguyễn Văn A\_Học bạ trung học phổ thông];
- + [042084000123\_Nguyễn Văn A\_Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế];
- + [042084000123\_Nguyễn Văn A\_Giấy CN đoạt giải HSGQG].

- Thí sinh sử dụng số căn cước công dân đã đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT năm 2023 để nhập lên hệ thống đăng ký xét tuyển của Trường (**tức chỉ sử dụng cùng một số căn cước công dân**).

• Đối với Phương thức 2: thí sinh chuẩn bị các loại giấy tờ theo quy định và thực hiện việc khai báo đầy đủ, đảm bảo tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, đặc biệt là thông tin “ưu tiên theo khu vực” và “ưu tiên theo đối tượng chính sách” (nếu có) trên Hệ thống của Bộ.

b) Thời gian, điều kiện và cách thức thí sinh đăng ký xét tuyển:

• Thời gian thí sinh đăng ký xét tuyển:

(i) Đối với Phương thức 1: từ 08g00’ **ngày 18/5/2023** (thứ 5) đến hết **ngày 09/6/2023** (thứ 6); riêng đối với thí sinh thuộc diện **đối tượng 1** là đến 17g00’ **ngày 30/6/2023** (thứ 6);

(ii) Đối với Phương thức 2: từ **ngày 10/7/2023** (thứ 2) đến 17g00’ **ngày 30/7/2023** (Chủ nhật).

• Điều kiện thí sinh đăng ký dự tuyển và điều kiện xét tuyển:

(i) Điều kiện thí sinh đăng ký dự tuyển: thực hiện theo quy định tại Mục 2.1.1;

(ii) Điều kiện xét tuyển: thí sinh phải đăng ký đầy đủ các thông tin dự tuyển theo quy định tại Mục 2.1.6 trong thời hạn quy định; phải thực hiện đúng, đủ, hết quy trình đăng ký xét tuyển; và đã thực hiện việc nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng đăng ký bằng hình thức trực tuyến trong thời hạn quy định.

● Cách thức thí sinh đăng ký xét tuyển

(i) Đối với Phương thức 1:

- Bước 1: Truy cập vào “Trang xét tuyển trực tuyến” tại địa chỉ: <https://xettuyenk48.hcmulaw.edu.vn>;

- Bước 2: Chọn Đăng ký “Xét tuyển theo Phương thức tuyển sinh trình độ đại học năm 2023”;

- Bước 3: Khai báo thông tin và đăng ký xét tuyển:

○ Bước 3.1: Khai báo thông tin cá nhân;

○ Bước 3.2: Chọn đối tượng đăng ký xét tuyển;

○ Bước 3.3: Chọn nguyện vọng đăng ký xét tuyển;

○ Bước 3.4: Đính kèm hồ sơ và minh chứng;

○ Bước 3.5: Nhập mã xác minh và đăng ký hồ sơ;

○ Bước 3.6: Đăng nhập vào Hệ thống bằng tài khoản được

Trường cung cấp qua email để chỉnh sửa thông tin, thay đổi nguyện vọng (nếu có) và xem thông báo kết quả xét tuyển.

- Bước 4: Đóng lệ phí xét tuyển.

(ii) Đối với Phương thức 2:

- Thí sinh thực hiện việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống của Bộ hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia (từ ngày 10/7/2023 đến 17g00' ngày 30/7/2023);

- Sau khi đăng ký thành công, thí sinh phải xác nhận “số lượng nguyện vọng và thứ tự nguyện vọng” trên Hệ thống của Bộ, đồng thời phải nộp lệ phí theo số lượng nguyện vọng đã đăng ký xét tuyển bằng hình thức trực tuyến (từ ngày 31/7/2023 đến 17g00' ngày 06/8/2023).

c) Công bố kết quả thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (*trừ điều kiện đã tốt nghiệp THPT*); và thí sinh tiếp tục thực hiện việc xác nhận nguyện vọng trên Hệ thống của Bộ:

● Đối với Phương thức 1:

(i) Thời hạn công bố kết quả xét đủ điều kiện trúng tuyển sớm (*trừ điều kiện đã tốt nghiệp THPT*): dự kiến chậm nhất là 17g00' ngày **21/6/2023** (thứ 4); riêng đối với thí sinh thuộc diện **đối tượng 1** là đến 17g00' ngày **04/7/2023** (thứ 3);

(ii) Thí sinh được Trường công bố đủ điều kiện trúng tuyển nếu đã tốt nghiệp THPT nhưng chưa thực hiện việc đăng ký thông tin cá nhân trên Hệ thống của Bộ thì **bắt buộc phải** thực hiện việc đăng ký để được cấp tài khoản, sử dụng cho việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển. Cụ thể như sau:

- Thời gian thực hiện: từ ngày 15/6/2023 đến ngày 20/7/2023;

- Tài mẫu phiếu đăng ký thông tin cá nhân (*có mẫu Phiếu đính kèm Đề án này*) và kê khai thông tin trên phiếu;

- Nộp phiếu này tại điểm tiếp nhận theo quy định của sở giáo dục và đào tạo nơi thí sinh thường trú để nhận thông tin tài khoản, phục vụ công tác đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ.

(iii) Đăng ký nguyện vọng xét tuyển hoặc xác nhận nhập học trên Hệ thống của Bộ (**bắt buộc**):

- Đối với thí sinh trúng tuyển thuộc diện **đối tượng 1**:

○ Xác nhận nhập học sớm trên Hệ thống: từ ngày 05/7/2023 đến 17g00' ngày 15/8/2023. Thí sinh đã xác nhận nhập học sớm vào Trường sẽ không được phép đăng ký nguyện vọng xét tuyển tiếp theo ở các phương thức xét tuyển khác trên Hệ thống của Bộ hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

○ Trường hợp “chưa xác nhận” nhập học sớm, thí sinh vẫn được quyền tiếp tục đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia như các thí sinh khác để có thêm cơ hội trúng tuyển. Nếu trúng tuyển, thí sinh này vẫn sẽ thực hiện việc xác nhận nhập học theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với thí sinh trúng tuyển thuộc diện **đối tượng 2 và đối tượng 3**: nếu vẫn còn nguyện vọng theo học tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thì để được **công nhận trúng tuyển chính thức**, thí sinh phải:

○ **Tiếp tục thực hiện việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển** đã được Trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển sớm lên Hệ thống của Bộ. Việc đăng ký này **phải đảm bảo đồng bộ dữ liệu** giữa “nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển mà Trường đã công bố” với việc “đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ”;

○ **Và đặt nguyện vọng này ở thứ tự ưu tiên cao nhất** (tức phải đăng ký ở nguyện vọng 1; chỉ khuyến nghị) trên Hệ thống của Bộ;

○ Thời gian thực hiện: từ ngày 10/7/2023 đến 17g00' ngày 30/7/2023.

● Đối với Phương thức 2: điểm trúng tuyển và kết quả thí sinh được xét trúng tuyển được Trường công bố chậm nhất là 11g00' **ngày 21/8/2023** (thứ 2).

d) Thời gian và cách thức xác nhận nhập học:

(i) Thời gian: trước 17g00' ngày 06/9/2023 (thứ 4). Thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định này nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không cho làm thủ tục nhập học và không tiếp nhận vào học;

(ii) Cách thức: tất cả thí sinh trúng tuyển theo Phương thức 1 và Phương thức 2 **đều phải** xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên Hệ thống của Bộ.

2.1.8. *Chính sách ưu tiên (tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển)*: thực hiện chính sách ưu tiên (xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển) theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (*ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*) và Hướng dẫn số 1919/BGDĐT-GDDH ngày 28/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

2.1.9. *Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển và cách thức thí sinh nộp lệ phí xét tuyển*:

a) Đối với Phương thức 1 (*xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển sớm theo Đề án tuyển sinh của Trường*):

- Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/ nguyện vọng;

- Cách thức nộp lệ phí xét tuyển: nộp tiền trực tuyến qua **Cổng thanh toán trực tuyến VNpay** (có hướng dẫn đính kèm Đề án này).

b) Đối với Phương thức 2 (*xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023*):

- Lệ phí xét tuyển: 20.000đ/ nguyện vọng;

- Cách thức nộp lệ phí xét tuyển: theo quy định chung của các trường có tham gia xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

*2.1.10. Học phí dự kiến đối với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):*

a) Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh là trường đại học công lập thực hiện hoạt động theo cơ chế tự chủ hoàn toàn nên học phí của người học được Nhà trường xây dựng theo nguyên tắc từng bước tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo. **Từ năm học 2023-2024 đến năm học 2026-2027**, mức thu học phí đối với sinh viên trình độ đại học được thu theo lộ trình được quy định tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐT ngày 20/3/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh;

b) Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và với mục tiêu nhanh chóng đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng đào tạo, tiếp cận nền giáo dục đại học của các nước phát triển trong khu vực, Nhà trường đã xây dựng Đề án học phí của **năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo** và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, nhằm đảm bảo đủ nguồn lực để đạt được mục tiêu vừa nêu, mức thu học phí đối với sinh viên chính quy trình độ đại học cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Khóa 48 (Khóa tuyển sinh năm 2023)	Năm học			
		2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
1.	Đào tạo chính quy ngành: Luật, Luật Thương mại quốc tế, Quản trị kinh doanh	31.250.000	35.250.000	39.750.000	44.750.000
2.	Đào tạo chính quy ngành Quản trị - Luật	37.080.000	41.830.000	47.170.000	53.100.000
3.	Đào tạo chính quy ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành tiếng Anh pháp lý	31.250.000	37.500.000	42.250.000	47.750.000
4.	Đào tạo chính quy chất lượng cao ngành: Luật, Quản trị kinh doanh	62.500.000	70.500.000	79.500.000	89.500.000
5.	Đào tạo chính quy chất lượng cao ngành Quản trị - Luật	74.160.000	83.660.000	94.340.000	106.200.000
6.	Đào tạo chính quy chất lượng cao ngành Luật, giảng dạy bằng tiếng Anh	165.000.000	181.500.000	199.700.000	219.700.000

*2.1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:*

a) Đối với tuyển sinh đợt 1 hình thức đào tạo chính quy: thực hiện theo quy định tại Mục 2.1.7; Kế hoạch tuyển sinh đối với công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy của Trường và theo lịch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Đối với tuyển sinh các đợt bổ sung hình thức đào tạo chính quy (nếu có): các thông tin về kế hoạch xét tuyển; phương thức xét tuyển; điều kiện dự tuyển; thành phần hồ sơ; chỉ tiêu xét tuyển bổ sung; ngành đào tạo và tổ hợp môn có xét tuyển bổ sung; nguyên tắc đăng ký nguyện vọng xét tuyển, số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển; nguyên tắc xét tuyển; nguyên tắc xét đủ điều kiện trúng tuyển; thời gian, cách thức xác nhận nhập học và làm thủ tục nhập học tại Trường sẽ được Trường thực hiện theo Kế hoạch tuyển sinh của Trường và trong thông báo tại thời điểm xét tuyển của từng đợt xét tuyển bổ sung.

*2.1.12. Việc trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro:* Trường cam kết đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng và đầy đủ tất cả các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh, Đề án tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh của Trường nhằm đảm bảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của thí sinh khi tham gia dự tuyển vào Trường.

*2.1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước:*

a) Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo: **không**;

b) Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không trái các quy định hiện hành): **không**.

*2.1.14. Tài chính:*

a) Tổng nguồn thu hợp pháp/ năm của Trường: **278.549.000.000đ**;

b) Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/ năm của năm liền trước năm tuyển sinh: **19.300.000đ/ sinh viên**.

*2.1.15. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): không*.

**2.2. Tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy trình độ đại học đối với đối tượng đã tốt nghiệp 1 bằng đại học**

*2.2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:* người đã có bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy ở tất cả các ngành/ nhóm ngành ở trong nước hoặc nước ngoài (văn bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định về thẩm quyền công nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trường hợp thí sinh chưa có bằng tốt nghiệp đại học thì phải có Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày cấp) và Giấy cam kết về thời gian nộp bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy (thí sinh tự làm đơn).

*2.2.2. Phạm vi tuyển sinh:*

a) Tuyển sinh trong cả nước đối với tất cả thí sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện dự tuyển theo quy định tại Mục 2.2.1;

b) Tuyển sinh ngành Luật theo phương thức xét tuyển hoặc thi tuyển.

*2.2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):*

a) Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy, khi có số lượng thí sinh tham gia dự tuyển **không vượt quá** chỉ tiêu của đợt tuyển sinh đó;

b) Hoặc thi tuyển:

- Khi có số lượng thí sinh tham gia dự tuyển **vượt quá** chỉ tiêu của đợt tuyển sinh đó;

- Môn thi tuyển, thời gian tổ chức ôn tập và thời gian tổ chức thi tuyển sẽ được Trường thông báo tại thời điểm tuyển sinh của từng đợt tuyển sinh.

2.2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh (chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo):*

Stt	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1.	7380101	Luật	501	Thi tuyển; hoặc xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức khi có số lượng thí sinh dự tuyển không vượt quá chỉ tiêu của đợt tuyển sinh đó.	300	1670 <sup>A</sup> / QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2009

2.2.5. *Ngưỡng đầu vào:* thí sinh đã đạt trình độ đại học hình thức chính quy ở trong nước hoặc nước ngoài.

2.2.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:* thí sinh thực hiện theo hướng dẫn tại thời điểm thông báo tuyển sinh của từng đợt tuyển sinh.

2.2.7. *Tổ chức tuyển sinh (thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối với từng ngành đào tạo):*

a) Thành phần hồ sơ thí sinh phải chuẩn bị:

(i) Một “phiếu đăng ký tuyển sinh” (thí sinh tải mẫu tại địa chỉ: <https://daotao.hcmulaw.edu.vn>, chọn mục “Văn bản”/ “Hồ sơ tuyển sinh VB2CQ”);

(ii) Một “phiếu quản lý hồ sơ thí sinh dự tuyển” (thí sinh tải mẫu tại địa chỉ: <https://daotao.hcmulaw.edu.vn>, chọn mục “Văn bản”/ “Hồ sơ tuyển sinh VB2CQ”);

(iii) Một bản sao (có công chứng hoặc chứng thực) văn bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy hoặc bản chính Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và Giấy cam kết. Riêng đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp sẽ phải nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực: (i) Giấy công nhận văn bằng tốt nghiệp đại học của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo; và (ii) Bản dịch (gồm văn bằng và bảng điểm học tập) từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;



(iv) Một bản sao (có công chứng hoặc chứng thực) bảng điểm học tập (phù hợp với văn bằng hoặc Giấy chứng nhận nêu trên);

(v) Một bản sao (có công chứng hoặc chứng thực) Giấy khai sinh hoặc Thẻ Căn cước công dân;

(vi) Hai ảnh 2x3 và hai ảnh 3x4 trong thời hạn 6 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

b) Điều kiện nhận hồ sơ và cách thức thí sinh đăng ký tuyển sinh:

- Điều kiện: thí sinh phải có đủ hồ sơ theo quy định tại Mục 2.2.7.a;

- Cách thức và hình thức thí sinh đăng ký tuyển sinh:

(i) Bước 1 (kê khai thông tin tuyển sinh): thí sinh kê khai thông tin, hồ sơ đăng ký tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến (online) tại địa chỉ: <https://forms.gle/8Pp2uY1mXWd9ztYt8>;

(ii) Bước 2 (nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển): thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tiếp tại Phòng Đào tạo - Phòng A.102, cơ sở Nguyễn Tất Thành (địa chỉ: số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh);

(iii) Bước 3 (nộp chi phí tuyển sinh): nộp tại các phòng giao dịch hoặc chuyển khoản từ các ngân hàng hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Thủ quỹ của Trường.

c) Tổ chức tuyển sinh: việc tổ chức tuyển sinh được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Trường và theo Đề án tuyển sinh năm 2023 của Trường.

2.2.8. Chính sách ưu tiên (xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển): **không**.

2.2.9. Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển:

a) Lệ phí tuyển sinh:

- Lệ phí xét tuyển (tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu, xét duyệt hồ sơ và các chi phí khác): 600.000đ/ hồ sơ/ thí sinh;

- Lệ phí thi tuyển (tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu, kiểm tra hồ sơ dự thi, đăng ký dự thi, chi phí ôn tập, chi phí tổ chức thi và các chi phí khác): 1.500.000đ/ hồ sơ/ thí sinh.

b) Cách thức nộp lệ phí tuyển sinh:

(i) Cách 1: nộp tiền mặt tại các phòng giao dịch hoặc chuyển khoản từ các ngân hàng cho Trường theo thông tin sau:

- Đơn vị thụ hưởng: **Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh**;

- Số tài khoản: **1900201447071**;

- Tên ngân hàng: **Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn**;

**Gòn**;

- Số tiền: **1.500.000đ** (trong trường hợp thi tuyển) hoặc **600.000đ** (trong trường hợp xét tuyển);

- Nội dung: **[Số CCCD/CMND # Họ và tên thí sinh # K15B2CQ # Đóng lệ phí tuyển sinh]** (thí sinh ghi nội dung chuyển tiền không có dấu, với cú pháp và thông tin chính xác, đầy đủ theo hướng dẫn).

(ii) Cách 2: nộp tiền mặt trực tiếp tại Phòng Thủ quỹ - Phòng B.105A, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4 (sáng từ 8g00' đến 11g00', chiều từ 13g30' đến 16g30' vào các ngày làm việc trong tuần).

2.2.10. Học phí dự kiến đối với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):

Đơn vị tính: VNĐ

Hình thức đào tạo, ngành đào tạo và đối tượng dự tuyển	Năm học			
	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
Đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật đối với đối tượng đã tốt nghiệp 1 bằng đại học	36.560.000	41.240.000	46.510.000	52.360.000

2.2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: dự kiến tuyển tối đa 3 đợt trong năm 2023:

- a) Đợt 1: vào tháng 5 và tháng 6;
- b) Đợt 2: vào tháng 8 và tháng 9;
- c) Đợt 3: vào tháng 11 và tháng 12.

2.2.12. Việc trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Trường cam kết đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng và đầy đủ tất cả các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh, Đề án tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh của Trường nhằm đảm bảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của thí sinh khi tham gia dự tuyển vào Trường.

2.2.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): **không**.

### III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC (thực hiện theo mẫu số 01):

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/he-vua-lam-vua-hoc>.

#### 3.1. Tuyển sinh hình thức đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học đối với đối tượng đã tốt nghiệp THPT

##### 3.1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

Thực hiện theo Điều 5 của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), theo đó điều kiện để thí sinh dự tuyển là:

- a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương tại Việt Nam;
- b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;
- c) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- d) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Đề án tuyển sinh và trong thông báo tại thời điểm tuyển sinh;
- đ) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

##### 3.1.2. Phạm vi tuyển sinh:

a) Tuyển sinh trong cả nước đối với tất cả thí sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện dự tuyển theo quy định tại Mục 3.1.1;

b) Tuyển sinh ngành Luật theo phương thức xét tuyển.

*3.1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):*

Stt	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh		
		Thi tuyển	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (học bạ)	Kết hợp thi tuyển với xét tuyển
1.	Năm 2021		x	
2.	Năm 2022		x	
3.	Năm 2023		x	

*3.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo):*

Stt	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo vừa làm vừa học	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1.	7380101	Luật	502	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) theo Đề án của Trường	Bảng 30% chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo chính quy của lĩnh vực Pháp luật (gồm ngành Luật và ngành Luật Thương mại quốc tế). Trong đó: dành 60% tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT.	1670 <sup>A</sup> / QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	1988
2.	7340101	Quản trị kinh doanh	502	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) theo Đề án của Trường	Bảng 30% chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo chính quy của lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (gồm ngành Quản trị kinh doanh và ngành Quản trị - Luật).	1670 <sup>A</sup> / QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2011
3.	7220201	Ngôn ngữ Anh	502	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) theo Đề án của Trường	Bảng 30% chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo chính quy của lĩnh vực Nhân văn, nhóm ngành “Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài”.	1670 <sup>A</sup> / QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2013

*3.1.5. Ngưỡng đầu vào: thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT*

ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hướng dẫn số 1919/BGDĐT-GDDH ngày 28/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh năm 2023 của Trường.

3.1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: thí sinh thực hiện theo hướng dẫn tại thời điểm thông báo tuyển sinh của từng đợt tuyển sinh.

3.1.7. Tổ chức tuyển sinh (thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối với từng ngành đào tạo):

a) Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển:

(i) Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên); hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp, trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành; hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam;

(ii) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

(iii) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Đề án tuyển sinh và trong thông báo tại thời điểm tuyển sinh;

(iv) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Tổ chức tuyển sinh: việc tổ chức tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hướng dẫn số 1919/BGDĐT-GDDH ngày 28/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh năm 2023 của Trường.

3.1.8. Chính sách ưu tiên: thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.1.9. Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển (tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu, xét duyệt hồ sơ và các chi phí khác): 600.000đ/ hồ sơ/ thí sinh.

3.1.10. Học phí dự kiến đối với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):

Đơn vị tính: VNĐ

Hình thức đào tạo, ngành đào tạo và đối tượng dự tuyển	Năm học			
	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
Đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học ngành Luật, ngành Quản trị kinh doanh và ngành Ngôn ngữ Anh đối với đối tượng đã tốt nghiệp THPT	31.250.000	35.250.000	39.750.000	44.750.000

3.1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

a) Đợt 1: vào tháng 3 và tháng 4;

- b) Đợt 2: vào tháng 7 và tháng 8;  
c) Đợt 3: vào tháng 11 và tháng 12.

**3.1.12. Việc trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro:** Trường cam kết đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng và đầy đủ tất cả các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh, Đề án tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh của Trường nhằm đảm bảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của thí sinh khi tham gia dự tuyển vào Trường.

**3.1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): không.**

**3.2. Tuyển sinh hình thức đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học đối với đối tượng đã tốt nghiệp 1 bằng đại học**

**3.2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:** người đã có bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy, hoặc hình thức vừa làm vừa học, hoặc hình thức từ xa ở tất cả các ngành/nhóm ngành ở trong nước hoặc nước ngoài (văn bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định về thẩm quyền công nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trường hợp thí sinh chưa có bằng tốt nghiệp đại học thì phải có Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày cấp) và Giấy cam kết về thời gian nộp bằng tốt nghiệp đại học (thí sinh tự làm đơn).

**3.2.2. Phạm vi tuyển sinh:**

a) Tuyển sinh trong cả nước đối với tất cả thí sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện dự tuyển theo quy định tại Mục 3.2.1;

b) Tuyển sinh ngành Luật theo phương thức xét tuyển.

**3.2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):**

Stt	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh		
		Thi tuyển	Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy, vừa làm vừa học, từ xa	Kết hợp thi tuyển với xét tuyển
1.	Năm 2021		x	
2.	Năm 2022		x	
3.	Năm 2023		x	

**3.2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo):**

Stt	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo vừa làm vừa học	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1.	7380101	Luật	503	Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học	Bảng 30% chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo chính quy của lĩnh vực Pháp luật	1670 <sup>A</sup> / QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2009

				hình thức chính quy hoặc vừa làm vừa học theo Đề án của Trường	(gồm ngành Luật và ngành Luật Thương mại quốc tế). Trong đó: dành 40% tuyển thí sinh tốt nghiệp đại học.				
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

3.2.5. *Ngưỡng đầu vào*: thí sinh đã đạt trình độ đại học hình thức chính quy, hoặc vừa làm vừa học, hoặc từ xa ở trong nước hoặc nước ngoài.

3.2.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường*: thí sinh thực hiện theo hướng dẫn tại thời điểm thông báo tuyển sinh của từng đợt tuyển sinh.

3.2.7. *Tổ chức tuyển sinh (thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối với từng ngành đào tạo)*:

a) Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển:

(i) Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp hình thức chính quy, hoặc vừa làm vừa học, hoặc hình thức từ xa của một trường đại học khác ở trong nước hoặc nước ngoài (*hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và Giấy cam kết về thời gian nộp bằng tốt nghiệp đại học, trong trường hợp chưa có bằng tốt nghiệp đại học*);

(ii) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

(iii) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Đề án tuyển sinh và trong thông báo tại thời điểm tuyển sinh;

(iv) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Tổ chức tuyển sinh: việc tổ chức tuyển sinh được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Trường và theo Đề án tuyển sinh năm 2023 của Trường.

3.2.8. *Chính sách ưu tiên*: **không**.

3.2.9. *Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển (tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu, xét duyệt hồ sơ và các chi phí khác)*: 600.000đ/ hồ sơ/ thí sinh.

3.2.10. *Học phí dự kiến đối với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*:

Đơn vị tính: VNĐ

Hình thức đào tạo, ngành đào tạo và đối tượng dự tuyển	Năm học			
	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
Đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học ngành Luật đối với đối tượng đã tốt nghiệp 1 bằng đại học	36.560.000	41.240.000	46.510.000	52.360.000

3.2.11. *Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm*:

a) Đợt 1: vào tháng 3 và tháng 4;

- b) Đợt 2: vào tháng 7 và tháng 8;  
c) Đợt 3: vào tháng 11 và tháng 12.

3.2.12. Việc trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Trường cam kết đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng và đầy đủ tất cả các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh, Đề án tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh của Trường nhằm đảm bảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của thí sinh khi tham gia dự tuyển vào Trường.

3.2.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): **không**.

**IV. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TỪ XA (thực hiện theo mẫu số 02):** tính đến thời điểm xây dựng Đề án tuyển sinh năm 2023, Trường chưa được cấp có thẩm quyền cho phép tuyển sinh và đào tạo đối với hình thức từ xa./.

Cán bộ kê khai  
(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ,  
địa chỉ Email)

TP. Hồ Chí Minh, ngày **31 tháng 5 năm 2023**  
**HIỆU TRƯỞNG**

**- Ông Lê Văn Hiến**

+ Điện thoại: 093.418.1939;  
+ Email: lvhien@hcmulaw.edu.vn.

**- Ông Đoàn Việt Hùng**

+ Điện thoại: 090.383.8647  
+ Email: dvhung@hcmulaw.edu.vn.

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Lưu: VT, P.ĐT.